TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày: 29/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Nghĩa.

Ông Nguyễn Công Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Hữu Lộc - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/HSST-QĐ ngày ngày 30 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phước T, sinh ngày 13/12/1993; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Trần Thị P; Sống chung như vợ chồng với Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 2000 hiện không còn sống chung; Con: Có 02 con lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020; Có 02 em lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 10 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 09/9/2022, bị Ủy ban nhân dân xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (đã nộp phạt ngày 26/9/2022). Bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thanh H, sinh ngày 25/9/1984; Tên gọi khác: S, T; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị X; Vợ: Lê Thị T (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2011; Có 01 em sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 7 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình và sinh sống tại địa phương. Ngày 04/11/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về hành vi Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 29/4/2014; Ngày 17/12/2015, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 19/02/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 07 tháng tù về hành vi Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 08/10/2016; Ngày 28/6/2017, bị Công an huyện Ba Tri xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 09/11/2017, bị Công an xã Tân Xuân xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 30/11/2017, bị Công an xã Tân Xuân xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 03/01/2018, bị Chủ tịch UBND xã Phú Ngãi áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 03/4/2018; Ngày 08/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở Cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng; Ngày 23/4/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xử phạt 01 năm 06 tháng tù về hành vi Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 05/7/2020; Ngày 06/4/2022, bị Công an xã Phước Ngãi xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã nộp phạt ngày 26/4/2022). Sau ngày phạm tội, ngày 14/02/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xử phạt 15 tháng tù về hành vi Trộm cắp tài sản, chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hòa, tỉnh Long An từ ngày 29/9/2022. Ngày 29/8/2023, được trích xuất về tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bến Tre để phục vụ công tác xét xử. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/7/1991; Tên gọi khác: C; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Lý Thị T; Vợ: Hồ Cẩm L (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2016; Anh, chị, em: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 6 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình và sinh sống tại địa phương. Ngày 11/12/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 02/9/2016. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2023 tại xã Phước Ngãi, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đến ngày 14/9/2023 bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre cho đến nay theo Quyết định

bắt và tạm giam số 01/2023/HSST-QĐBTG ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1985; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1960; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Huỳnh Hải Y, sinh năm 1991; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

4. Đặng Ngọc T, sinh năm 1993; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

5. Trần Thị L, sinh năm 1976; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Hoàng N, sinh năm 1994; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2. Phạm Hoàng T, sinh năm 1986; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Phan Thanh T, sinh năm 1976; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

4. Trần Thị P, sinh năm 1962; (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*

1. Ngô Thành S, sinh năm 1998; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 2001; (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29/6/2022, Nguyễn Phước T đi chơi về ngang nhà anh Nguyễn Thanh Tr ở khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nhìn thấy cửa nhà khép không có khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Lúc này, T đẩy cửa đi vào nhà thấy mọi người đã ngủ, nên lén lút đi đến giường lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 và vòng ra phía trước nơi dựng xe mô tô biển số 71C2-09973 dùng chìa khóa để trên bàn mở cốp xe lấy 01 bóp da bên trong có số tiền 2.000.000 đồng và 32 đô la Mỹ (USD), rồi nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường. Sáng ngày 30/6/2022, T bán điện thoại trộm

được cho một người đàn ông lạ mặt không rõ nhân thân lai lịch ở xã A (nay thị trấn T), huyện Ba Tri được 1.500.000 đồng cùng với số tiền trộm được tiêu xài cá nhân hết, còn bóp da T ném bỏ. Sau đó, anh Triển đến Cơ quan Công an trình báo sự việc, số tài sản lấy trộm không thu hồi được.

Ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, bản thân T còn tự mình thực hiện một vụ trộm cắp tài sản vào ngày 17/7/2022 và cùng đồng bọn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản vào các ngày 25/7/2022, ngày 16/11/2022, cụ thể như sau:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/7/2022, Nguyễn Phước T đi ngang nhà bà Nguyễn Thị Tuyết N ở khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nhìn thấy cửa gian nhà phụ mở không có khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện ý định, T mở cửa nhà đi vào phòng ngủ thấy bà Nguyễn Thị Tuyết N và chị Huỳnh Hải Y (con gái bà N) đang ngủ say, nên lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8, 01 túi xách đã cũ chứa đồ trang điểm cá nhân của bà N và 01 điện thoại hiệu Vertu, 01 điện thoại Iphone 12 Promax của chị Y để dưới nền gạch, rồi nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường. Sáng ngày 18/7/2022, T đem điện thoại Iphone bán cho Phạm Hoàng T được 8.000.000 đồng, điện thoại Vertu bán cho Lê Hoàng N được 3.000.000 đồng dùng tiêu xài cá nhân hết, còn điện thoại Samsung T giữ lại để sử dụng, túi xách bên trong có dụng cụ trang điểm do không có giá trị nên T ném bỏ. Sau đó, bà Nguyễn Thị Tuyết N đến Cơ quan Công an trình báo sự việc, thu hồi được 02 điện thoại hiệu Vertu và Samsung, còn 01 điện thoại Iphone và túi xách không thu hồi được.

Vào khoảng 08 giờ ngày 25/7/2022, Võ Thanh H điều khiển xe mô tô mượn của bạn (không rõ biển số) chở Nguyễn Phước T về nhà ở thị trấn B. Kh đi ngang qua nhà chị Đặng Ngọc T ở khu phố 2, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, T thấy nhà chị T khóa cửa, nhìn xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lúc này, T nói H dừng xe lại (cách nhà chị T khoảng 35m) để T vào lấy trộm tài sản thì được H đồng ý. Sau đó, T xuống xe đi bộ về nhà T cách nơi đậu xe khoảng 11,5m lấy 01 cây kiềm cộng lực giấu vào áo, rồi đi ngược lại về hướng nhà chị T, còn Hải thì ngồi trên xe cảnh giới, T dùng kiềm cắt khóa cửa vào nhà lấy 01 máy laptop hiệu Lenovo để trên bàn cùng dây sạc và 01 ba lô, T đi xuống phía sau lấy 01 cục sạc dự phòng để trên kệ gổ, lấy 01 hộp màu đỏ bên trong có tài sản gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng 18K trọng lượng 06 phân, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ và 01 đôi bông tai màu trắng có đính hột kim cương, 01 chiếc lắc vàng 18K trọng lượng 1,2 chỉ và 01 con heo đất bên trong có số tiền 4.000.000 đồng được để trong phòng ngủ, rồi T bỏ các tài sản vào ba lô. Sau khi lấy được tài sản, T cầm theo ba lô đi ra lộ, dơ tay ra hiệu thì H điều khiển xe mô tô chạy đến chở T về nhà bạn ở xã P, huyện B, rồi T đem 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 chiếc lắc bằng vàng 18K bán cho tiệm vàng Phước Huyền của Phan

Thanh T ở xã P, huyện Ba Tri được 8.000.000 đồng, 01 máy laptop, dây sạc, cục sạc dự phòng bán cho Lê Hoàng N được 3.000.000 đồng, đập heo đất lấy số tiền 4.000.000 đồng, còn kiềm cộng lực, 01 ba lô, hộp màu đỏ đựng nữ trang và đôi bông tai đính hột kim cương do nghĩ là đồ giả, T đem ném bỏ xuống hồ nước ngọt ở xã P, số tiền trộm được, T và H chia mỗi người được 7.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết thì bị phát hiện, số vàng và tiền mặt không thu hồi được.

Đến khoảng 07 giờ ngày 16/11/2022, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô biển số 52H8-9483 chở theo Nguyễn Phước T đến nhà bạn T. Khi đến khu vực thuộc ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre thì T nhìn thấy xe mô tô biển số 71H3-7530 của bà Trần Thị L đang dựng trên thềm ngôi nhà bỏ hoang gần lộ không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Lúc này, T rủ T lấy trộm xe thì T cũng đồng ý và dừng xe lại cho T đi vào lấy trộm xe mô tô biển số 71H3-7530, còn T ngồi trên xe đợi, T đi vào thềm nhà dẫn xe ra lộ và ngồi lên xe, còn T điều khiển xe của T dùng chân phụ đẩy xe với T được một đoạn đường rồi dừng lại, T lấy chìa khóa xe của T mở khóa xe trộm được nổ máy chạy về nhà T ở xã P. Tại nhà Trí, T tháo bửng xe và dùng sơn đen xịt phủ lên xe để không bị phát hiện. Sau đó, T biết bà Trần Thị L đến Công an xã trình báo sự việc nên nhờ vợ chồng em gái Nguyễn Thị Ngọc N và Ngô Thành S xuống nhà T lấy xe mô tô biển số 71H3-7530 giao nộp cho Cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 máy laptop hiệu Lenovo màu xám trắng và 01 dây sạc laptop màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Vertu màu trắng số hiệu S-036201, 01 cục sạc dự phòng màu đen bên hong có ghi số 40 Herbalife do Lê Hoàng N giao nộp; đã xử lý giao trả cho chị Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Tuyết N.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8, màu đen, số seri R39K105421 không có sim bên trong do Nguyễn Phước T giao nộp; đã xử lý giao trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ - đen – xám biển số 71H3 - 7530 do Ngô Thành Sơn giao nộp; đã xử lý giao trả cho bà Trần Thị Lài.

- 01 hộp đựng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 do Nguyễn Thanh Tr giao nộp; chưa xử lý.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu xanh – đen đã cũ, biển số 52H8-9483, số máy 2142864, số khung Y400226 do Nguyễn Minh T giao nộp; chưa xử lý.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 76, 94, 96 và số 110/KL-HĐĐGTS vào các ngày 13/10/2022, ngày 27/10/2022 và ngày 15/12/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 giá trị 3.000.000 đồng.

+ 01 điện thoại di dộng hiệu Vertu giá trị 15.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 giá trị 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax giá trị 12.000.000 đồng; tổng giá trị 30.000.000 đồng.

+ 01 máy tính laptop hiệu Lenovo giá trị 6.300.000 đồng, 01 dây sạc laptop Lenovo màu đen giá trị 700.000 đồng, 01 sạc dự phòng màu đen bên hông có ghi 40HERBALIFE giá trị 400.000 đồng, 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 06 phân giá trị 1.860.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ giá trị 3.100.000 đồng, 01 đôi bông tai màu trắng có đính hột kim cương giá trị 24.916.300 đồng, 01 chiếc lắc vàng 18K trong lượng 1,2 chỉ giá trị 3.720.000 đồng, 01 đôi bông tai vàng trắng trọng lượng 03 gram giá trị 3.600.000 đồng; tổng giá trị 44.596.300 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, biển số 71H3-7530 giá trị 6.000.000 đồng, giá trị thiệt hại do bị hư hỏng là 1.630.000 đồng.

Tại Công văn số 54/HĐĐGTS-TH ngày 12/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Ba Tri về việc từ chối định giá tài sản đối với: 01 bóp da, 01 túi xách, 01 cái hộp nhựa màu đỏ, 01 túi ba lô bằng vải, 01 con heo đất màu xanh do không có thông tin về nhãn hiệu, xuất xứ, kích thước, chủng loại…nên không đủ điều kiện để định giá.

Tại Công văn số 275/BTR-THNS ngày 10/3/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bến Tre cung cấp thông tin về tỷ giá Đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD) vào ngày 29/6/2023: 01 Đô la Mỹ bằng 23.099 VND.

Tại Bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSBT ngày 10/8/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phước T, Võ Thanh H, Nguyễn Minh T về tội "Trộm cắp tài sản", trong đó Nguyễn Phước T theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, còn Võ Thanh H, Nguyễn Minh T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phước T, Võ Thanh H, Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản", đồng thời đề nghị;

* Về trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Phước T: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Đối với bị cáo Võ Thanh H: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bị cáo Võ Thanh H đối với Bản án 04/2023/HS-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đối với bị cáo Nguyễn Minh T: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp đựng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 do không còn giá trị sử dụng và bị hại không có yêu cầu nhận lại.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu xanh – đen đã cũ, biển số 52H8-9483, số máy 2142864, số khung Y400226 của Nguyễn Minh T là phương tiện dùng vào việc phạm tội và tại phiên tòa bị cáo Trí không có yêu cầu nhận lại.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri đã xử lý giao trả tài sản cho các bị hại Nguyễn Thị Tuyết N, Đặng Ngọc T, Trần Thị L: 01 máy laptop hiệu Lenovo màu xám trắng và 01 dây sạc laptop màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Vertu màu trắng số hiệu S-036201, 01 cục sạc dự phòng màu đen bên hong có ghi số 40 Herbalife, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8, màu đen, số seri R39K105421 không có sim bên trong, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, biển số 71H3-7530.

***** Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận bị hại Nguyễn Thị Tuyết N và Trần Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Ghi nhận người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng N không yêu cầu T trả lại số tiền 6.000.000 đồng đã đưa khi mua tài sản.

- Ghi nhận người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P không yêu cầu T trả lại số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường cho các bị hại.

- Bị hại Đặng Ngọc Trâm yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 33.596.000 đồng tương ứng với số tài sản bị mất không thu hồi được là phù hợp, nên bị cáo T và bị cáo H phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường đối với số tiền trên. Trong quá trình điều tra, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường được số tiền 4.000.000

đồng, số tiền này sẽ được khấu trừ vào tổng số tiền mà bị hại T yêu cầu bồi thường. Do đó, đề nghị buộc bị cáo T và bị cáo H phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại T số tiền 29.596.000 đồng.

- Bị hại Nguyễn Thanh Tr yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 5.739.000 đồng, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường được số tiền 3.000.000 đồng, nên số tiền này sẽ được khấu trừ vào tổng số tiền yêu cầu bồi thường. Do đó, đề nghị buộc bị cáo T phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 2.739.000 đồng.

- Bị hại Huỳnh Hải Y yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 12.000.000 đồng, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường được số tiền 3.000.000 đồng, nên số tiền trên sẽ được khấu trừ vào tổng số tiền yêu cầu bồi thường. Do đó, đề nghị buộc bị cáo T phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng là tiền của bà Trần Thị P tự bỏ ra do chị Nguyễn Thị Ngọc N nộp thay để khắc phục hậu quả cho bị cáo T tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri (vào ngày 28/8/20223) trong giai đoạn chuẩn bị xét xử để đảm bảo thi hành án cho các bị hại và ghi nhận bà P không có yêu cầu bị cáo Tín hoàn trả lại số tiền này cho bà.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phước T, Võ Thanh H, Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng đã nêu. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo T đồng ý bồi thường tiếp cho bị hại Huỳnh Hải Y số tiền 9.000.000 đồng và đồng ý bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Thanh Tr số tiền 2.739.000 đồng. Bị cáo T và bị cáo H đồng ý liên đới bồi thường tiếp cho bị hại Đặng Ngọc T số tiền 29.596.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và trong đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt các bị hại trình bày:

Bị hại Nguyễn Thanh Tr: Về trách nhiệm hình sự, anh Tr yêu cầu xử lý bị cáo T theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, anh Tr yêu cầu bị cáo T bồi thường tổng số tiền 5.379.000 đồng. Khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng mà bà Trần Thị P (mẹ bị cáo T) đã bồi thường thay cho bị cáo T, anh Tr yêu cầu bị cáo T bồi thường tiếp số tiền 2.379.000 đồng. Anh Tr không yêu cầu nhận lại 01 hộp đựng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13.

Bị hại Nguyễn Thị Tuyết N: Về trách nhiệm hình sự, bà N yêu cầu xử lý bị cáo T theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, do bà N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm.

Bị hại Huỳnh Hải Y: Về trách nhiệm hình sự, chị Y yêu cầu xử lý bị cáo T theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, chị Y yêu cầu bị cáo T bồi thường tổng số tiền 12.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng mà bà Trần Thị P (mẹ bị

cáo T) đã bồi thường thay cho bị cáo T, chị Y yêu cầu bị cáo T bồi thường tiếp số tiền 9.000.000 đồng.

Bị hại Đặng Ngọc T: Về trách nhiệm hình sự, chị T yêu cầu xử lý bị cáo T và bị cáo H theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, chị T yêu cầu bị cáo T và bị cáo H bồi thường tổng số tiền 33.596.000 đồng. Khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng mà bà Trần Thị P (mẹ bị cáo T) đã bồi thường thay cho bị cáo T, chị T yêu cầu bị cáo T và bị cáo H bồi thường tiếp số tiền 29.596.000 đồng.

Bị hại Trần Thị L: Về trách nhiệm hình sự, bà L yêu cầu xử lý bị cáo T và bị cáo T theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, do bà L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và nhận số tiền bồi thường 1.630.000 đồng từ bị cáo T và bà Trần Thị Ph (mẹ bị cáo T) bồi thường thay bị cáo T nên không yêu cầu bị cáo T và bị cáo T bồi thường thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng N trình bày: Anh không biết các tài sản mà bị cáo T mang bán cho anh N có nguồn gốc do bị cáo T chiếm đoạt từ các bị hại và không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 6.000.000 đồng đã trả cho bị cáo T khi mua các tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt của các bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Hoàng T trình bày: Anh không biết chiếc điện thoại Iphone 12 Promax mà bị cáo T mang bán là tài sản do bị cáo T chiếm đoạt mà có. Sau khi mua điện thoại từ bị cáo, anh T đã phân rã điện thoại ra để bán linh kiện nên không thu hồi được. Anh T không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thanh T trình bày: Anh không biết số vàng mà bị cáo T mang bán là tài sản do bị cáo T chiếm đoạt mà có. Anh T không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị P không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Phước T trả lại số tiền mà bà P đã bỏ ra để bồi thường cho các bị hại thay bị cáo T trong giai đoạn điều tra cũng như không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 5.000.000 đồng của bà do con gái là chị Nguyễn Thị Ngọc N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri vào ngày 28/8/2023 để khắc phục hậu quả cho bị cáo T trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Chị là em ruột của bị cáo Nguyễn Phước T. Ngày bị cáo Tín cùng bị cáo T thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô của bà Trần Thị L thì sau khi bà L trình báo sự việc với Công an. Lực lượng Công an có nhờ chị gọi cho bị cáo T và đi lấy chiếc xe mô tô của bà L do bị cáo T và bị cáo T lấy để tại nhà bị cáo T giao cho lực lượng Công an để điều tra làm rõ hành vi của các bị cáo. Giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 28/8/2023 chị có thay mẹ chị là bà Trần Thị P đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri để nộp số tiền

5.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho bị cáo T. Số tiền 5.000.000 đồng trên là tiền của bà Trần Thị P không phải tiền của chị nên chị không liên quan gì trong vụ án này và không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo T, bị cáo H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận. Riêng bị cáo T tranh luận xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu tranh luận đối đáp: Bị cáo T, bị cáo H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận nên Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận đối với những người nêu trên. Đối với bị cáo T tranh luận xin hưởng án treo, Kiểm sát viên phát biểu tranh luận đối đáp như sau: Bị cáo có nhân thân xấu từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo không chấp hành nghiêm Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo, đề nghị HĐXX xử lý nghiêm bị cáo bằng hình phạt tù giam để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo để trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Qua tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo T và H xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T xin HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, các bị hại Nguyễn Thanh Tr, Nguyễn Thị Tuyết N, Huỳnh Hải Y, Đặng Ngọc T và Trần Thị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng N, Phạm Hoàng T và Phan Thanh T vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai rõ trong quá trình điều tra, đồng thời các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và những người tiến hành tố tụng khác không có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người nêu trên. Căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên trong vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Phước T, Võ Thanh H, Nguyễn Minh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ cùng những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do có động cơ tư lợi bất chính, nên bị cáo Nguyễn Phước T đã 04 lần có hành vi lén lút lấy trộm 04 điện thoại di động, 01 máy laptop, 01 dây sạc laptop, 01 cục sạc dự phòng, 01 đôi bông tai vàng 18K, 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 đôi bông tai màu trắng có đính hột kim cương, 01 chiếc lắc vàng 18K, 01 xe mô tô, số tiền 32 USD (tương đương 739.168 đồng) và 6.000.000 đồng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 86.735.468 đồng; trong đó, thực hiện hành vi cùng bị cáo Võ Thanh H 01 lần với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 44.996.300 đồng và bị cáo Nguyễn Minh T 01 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.000.000 đồng; vụ việc xảy ra vào các ngày 29/6/2022, ngày 17/7/2022, ngày 25/7/2022 và ngày 16/11/2022 trên địa bàn huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phước T, Võ Thanh H, Nguyễn Minh T về tội "Trộm cắp tài sản", trong đó bị cáo Nguyễn Phước T bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, các bị cáo Võ Thanh H, Nguyễn Minh T bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo là người đã trưởng thành đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, muốn tư lợi bất chính có tiền tiêu xài nhưng không bỏ công sức lao động và nhất là thái độ xem thường pháp luật nên đã đưa các bị cáo vào con đường phạm tội và hậu quả xảy ra đúng như các bị cáo mong muốn. Việc làm của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, mỗi khi sơ hở sẽ bị kẻ gian lén lút chiếm đoạt tài sản. Bản thân các bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Bị cáo T từng có 01 bị xử phạt hành vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo H từng 02 lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, nhiều lần bị xử phạt hành chính và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hiện bị cáo Hải đang chấp hành án phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" do Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử, hiện đang chấp hành án; Bị cáo Trí cũng từng bị xử phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản". Lẽ ra

sau nhiều lần bị xử phạt tù và bị xử lý hành chính, các bị cáo phải tu dưỡng bản thân thì các bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết và các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Đối với yêu cầu của bị cáo T xin được hưởng án treo. HĐXX xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nhưng không biết cải sửa bản thân trở thành người tốt, có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội với tính chất, mức độ ngày càng lớn hơn, nghiêm trọng hơn. Bản thân bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không chấp hành nghiêm và bị Tòa án ra Quyết định bắt và tạm giam. Từ đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo, do vậy yêu cầu xin được hưởng án treo của bị cáo T là không có cơ sở. Xét thấy các bị cáo là người rất khó cải tạo, giáo dục nên cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng hình phạt tù giam mới đủ sức nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe phòng ngừa chung.

[5] Đối với vụ án "Trộm cắp tài sản" của bị hại Đặng Ngọc T xảy ra vào ngày 25/7/2022 và bị hại Trần Thị L xảy ra vào ngày 16/11/2022, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người thực hành chính nên chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo H và bị cáo Trí.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Phước T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Võ Thanh H và bị cáo Nguyễn Minh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 03 bị cáo có chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T và bị cáo T có bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho các bị hại nên 02 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H có bà ngoại là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Đặng Ngọc T yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 33.596.000 đồng tương ứng với số tài sản bị mất không thu hồi được. Xét yêu cầu này của chị T là phù hợp với quy định pháp luật, đồng thời tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo H đồng ý liên đới bồi thường số tiền này cho chị T nên HĐXX ghi nhận để các bị cáo thực hiện. Trong quá trình điều tra, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường được số tiền 4.000.000 đồng nên bị cáo T và bị cáo H phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại Trâm số tiền 29.596.000 đồng. Theo đó, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại T là 14.798.000 đồng.

- Bị hại Nguyễn Thanh Triển yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 5.739.000 đồng tương ứng với số tài sản bị mất không thu hồi được. Xét yêu cầu này của anh Triển là phù hợp với quy định pháp luật, đồng thời tại phiên tòa, bị cáo Tín đồng ý bồi thường số tiền này cho anh Triển nên HĐXX ghi nhận để bị cáo Tín thực hiện. Quá trình điều tra, bị cáo Tín đã tác động gia đình bồi thường được số tiền 3.000.000 đồng nên bị cáo Tín phải bồi thường tiếp cho anh Triển số tiền 2.739.000 đồng.

- Bị hại Huỳnh Hải Y yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 12.000.000 đồng tương ứng với số tài sản bị mất không thu hồi được. Xét yêu cầu này của chị Y là phù hợp với quy định pháp luật, đồng thời tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này cho chị Y nên HĐXX ghi nhận để bị cáo Tín thực hiện. Quá trình điều tra, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường được số tiền 3.000.000 đồng nên bị cáo T phải bồi thường tiếp cho chị Y số tiền 9.000.000 đồng.

- Các bị hại Nguyễn Thị Tuyết N và Trần Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Ghi nhận người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng N không yêu cầu Tín trả lại số tiền 6.000.000 đồng đã trả cho T khi mua tài sản là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị P không có yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền mà bà P đã bồi thường cho các bị hại thay cho bị cáo và nộp tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri nên được HĐXX ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 hộp đựng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13, do không còn giá trị sử dụng và bị hại không yêu cầu nhận lại nên bị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu xanh – đen đã cũ, biển số 52H8-9483, số máy 2142864, số khung Y400226 của bị cáo Nguyễn Minh T là

phương tiện dùng vào việc phạm tội và tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri đã xử lý giao trả tài sản cho các bị hại Nguyễn Thị Tuyết N, Đặng Ngọc T, Trần Thị L: 01 máy laptop hiệu Lenovo màu xám trắng và 01 dây sạc laptop màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Vertu màu trắng số hiệu S-036201, 01 cục sạc dự phòng màu đen bên hong có ghi số 40 Herbalife, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8, màu đen, số seri R39K105421 không có sim bên trong, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, biển số 71H3-7530 là phù hợp.

[10] Đối với 01 đôi bông tay vàng trắng giá trị 3.600.000 đồng bị hại Đặng Ngọc T trình bày bị mất trong vụ Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 25/7/2022 nhưng không có chứng cứ chứng minh và bị cáo Nguyễn Phước T không thừa nhận nên Cơ quan điều tra nhận định không có cơ sở để xem xét xử lý là phù hợp.

[11] Đối với số tài sản 01 bóp da, 01 túi xách, 01 hộp nhựa màu đỏ, 01 túi ba lô bằng vải, 01 con heo đất màu xanh bị mất, do tài sản đã cũ giá trị ít, bị hại không yêu cầu và không cung cấp được thông tin liên quan đến tài sản nên không đủ điều kiện để định giá về tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với số tài sản trên là phù hợp với quy định pháp luật.

[12] Đối với hành vi của Lê Hoàng N, Phạm Hoàng Th và Phan Thanh T mua tài sản của bị cáo Nguyễn Phước T nhưng không biết do hành vi trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp với quy định pháp luật.

[13] Xét yêu cầu của bị cáo T xin được hưởng án treo là không có cơ sở và không phù với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[14] Xét quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Phước T, Võ Thanh H, Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Phước T và bị cáo Võ Thanh H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phước T, Võ Thanh H, Nguyễn Minh T phạm "Tội trộm cắp tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thanh H 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với Bản án số 04/2023/HS-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo Võ Thanh H 15 (Mười lăm) tháng tù. Buộc bị cáo Võ Thanh H phải chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584; 585; 586; 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Phước T phải bồi thường cho bị hại Đặng Ngọc T số tiền 14.798.000 (Mười bốn triệu, bảy trăm, chín mươi tám nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Võ Thanh H phải bồi thường cho bị hại Đặng Ngọc Trâm số tiền 14.798.000 (Mười bốn triệu, bảy trăm, chín mươi tám nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Phước T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thanh Tr số tiền 2.739.000 (Hai triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn) đồng và bồi thường cho bị hại Huỳnh Hải Y số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Ghi nhận bị hại Nguyễn Thị Tuyết N và Trần Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Ghi nhận người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng N không yêu cầu bị cáo Tín trả lại số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

- Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị P không có yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền mà bà đã bồi thường cho các bị hại thay cho bị cáo và nộp tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng là tiền của bà Trần Thị P do chị Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp để bồi thường thiệt hại cho bị cáo Nguyễn Phước T theo biên lai thu tiền số 0000251 ngày 28/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri để thi hành án cho các bị hại.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp đựng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu xanh – đen đã cũ, biển số 52H8-9483, số máy 2142864, số khung Y400226 của bị cáo Nguyễn Minh T.

(Theo phiếu nhập kho số NKTV.29 ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri)

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Các bị cáo Nguyễn Phước T, Võ Thanh H, Nguyễn Minh T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Phước T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.077.000 (Một triệu, không trăm, bảy mươi bảy nghìn) đồng.

Bị cáo Võ Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 740.000 (Bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***** ***Nơi nhận***: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các bị cáo;
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
-Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Phước Ngãi (Ba Tri – Bến Tre);
- UBND thị trấn Ba Tri (Ba Tri – Bến Tre);
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tấn Tài